

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2021/DS-ST
Ngày: 24 -9 -2021
V/v: “T/c HĐ vay tài sản
giữa ông T và bà N

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đình Phần

Ông Phạm Thế Quang

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên TAND huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa:

Bà: Nguyễn Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 24/9/2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Phạm Văn T, sinh năm 1970; Địa chỉ: xóm 8, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Bà Ngô Thị N sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm V, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1977; Địa chỉ: xóm 8, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định;

(ông T, bà N1, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là ông Phạm Văn T và bản tự khai của người được ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N1: Do có mối quan hệ xã hội nên ông T có cho bà Ngô Thị N vay 130 triệu đồng vào ngày 22/02/2020, thời hạn vay 01 tháng, lãi xuất thỏa thuận. Đến hạn bà N không trả mặc dù ông đã đòi nhiều lần. Nay ông yêu cầu bà N trả ông 130 triệu đồng và lãi 9,5%/năm. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã trả được 10 triệu đồng cho nên nay ông

T chỉ yêu cầu bà N trả 120 triệu tiền gốc, còn lãi từ khi vay đến nay ông không yêu cầu nữa.

Bà N có bản khai xác nhận do cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên có hỏi ông T vay 130 triệu đồng. Ngày 22/02/2020 bà viết giấy nhận vay ông T 130 triệu đồng song do chồng bà đi viện ốm chết, bà ốm đau nên không trả lãi được. Bà nhất trí sẽ trả nợ nhưng do ốm đau, đi viện thường xuyên nên bà chưa trả được. Bà đề nghị ông T cho bà trả phần gốc và xem xét không tính lãi nữa.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến là trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng qui định tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T. Căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015: Buộc bà N trả cho ông T số tiền gốc là 120.000.000đ, chấp nhận ông T không yêu cầu lãi từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm. Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông T ủy quyền cho bà N1 tham gia tố tụng; Bà N1 và N xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà N vay ông T 130.000.000 đồng có giấy nhận nợ, bà N và ông T xác nhận sự việc trên là đúng. Do bà N không trả nợ đúng hạn nên ông T khởi kiện ra Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án bà N đã trả cho ông T 10.000.000 đồng còn lại 120.000.000 đồng; bà N1 (đại diện ủy quyền của ông T) nay chỉ yêu cầu bà N trả gốc 120.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi từ ngày vay đến khi xét xử sơ thẩm. Đây là sự tự nguyện của bên nguyên đơn nên Tòa chấp nhận yêu cầu buộc bà N trả cho ông T 120.000.000 đồng.

Ngoài ra bà N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả thi hành án theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. Về án phí: Bà N phải nộp là 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T được hoàn lại 3.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

[4]. Ông T, bà N1, bà N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1,

Điều 5, Điều 6 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC; Điều 24, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử chấp nhận yêu cầu của ông Phạm Văn T. Buộc bà Ngô Thị N có trách nhiệm trả nợ ông T số tiền 120.000.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của ông T không yêu cầu bà N trả lãi vay từ khi vay đến khi xét xử sơ thẩm.

2. Về án phí: Bà N phải nộp là 6.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông T được hoàn lại 3.600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho ông T, bà N1, bà N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Các đương sự;
- THADS huyện Xuân Trường;
- UBND xã X;
- Lưu HS + VP.

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh